TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI
Bản án số:04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21/3/2019
V/V"Tranh chấp ly hôn ,nuôi con chung khi ly hôn"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Thanh**

-Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Miền** ông **Đinh Văn Lộc**

-Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thúy** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ

-Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tâm** - Kiểm sát viên

Trong ngày 21/3/2019, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân- Gia đình thụ lý số: 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn Đức H, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai
(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

-Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn Đức H, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai
(vắng mặt lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo Nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân:Tôi và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26 tháng 8 năm 2010. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc với nhau, đến nay phát sinh mâu thuẩn do tình cảm vợ chồng không hoà hợp, nên đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 10/2017 đến nay. Nay đề nghị Toà án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

- Về con chung, trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 28/6/2010, từ khi chúng tôi sống ly thân cháu ở với tôi đến nay, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được tiếp tục nuôi cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản, công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T:* Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã được Toà án thông báo, triệu tập đến Toà án để lấy lời khai, hòa giải về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Hoàng Thị T. Nhưng anh T đều không có mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Toà án, đồng thời tại phiên tòa lần thứ hai anh T tiếp tục vắng mặt, nên không có ý kiến trong hồ sơ.

Chứng cứ các đương sự nộp có trong hồ sơ gồm:

- 1 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao),01 Giấy khai sinh (Bản photo)

- 02 Giấy chúng minh nhân dân (bản pho to) , 01 Sổ hộ khẩu (photo);

Tại phiên toà:

* Các đương sự đều vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày tại phiên toà.

*** Ý kiến Phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và nguyên đơn và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng theo qui định của pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày, thì các đương sự kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26 tháng 8 năm 2010. Thời gian đầu sống hạnh phúc , về sau phát sinh mâu thuẫn do tình cảm vợ chồng không hoà hợp, đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị T yêu cầu giải quyết ly hôn. Xét các đượng sự mâu thuẫn thực sự trầm trọng kéo dài, hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân trong một thời gian dài, không thể hiện còn tình cảm để níu kéo hạnh phúc gia đình nữa. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hoàng Thị T.

+Về con chung : Chị T và anh T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 28/6/2010, chị T đề nghị được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét anh T không đến Toà án tham gia tố tụng để trình bày ý kiến nguyện vọng của mình, còn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Nên đề nghị giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng và không buộc anh T cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và phù hợp.

- Về tài sản chunhg, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

+Về án phí: Buộc chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn, để sung vào công quỹ Nhà Nước.

(Có bản phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn là anh Nguyễn Xuân T, nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn". Do đó Toà án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về tính hợp pháp quan hệ hôn nhân của các đương sự: chị Hoàng Thị T và Nguyễn Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3]Về nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh T xuất phát từ việc tình cảm vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn của hai người đã kéo dài, ngày càng trầm trọng, hiện hai người đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án anh T được Tòa án thông báo, triệu tập nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án và chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định mâu thẫn giữa chị T và anh T đã thực sự trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người không có mong muốn níu kéo hạnh phúc gia đình, nên yêu cầu ly hôn của chị T cần được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 19, 56 Luật Hôn nhân - Gia đình cần xử cho chị T được ly hôn với anh T là có căn cứ.

[4]Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên là: Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 28/6/2010, chị T đề nghị được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét anh T không đến Toà án tham gia tố tụng để trình bày ý kiến nguyện vọng của mình, còn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và thực tế từ khi các đương sự sống ly thân thì cháu L sống với chị T. Nên cần giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng và không buộc anh T cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của cháu L.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Hoàng Thị T phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T

+Về quan hệ hôn nhận: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

+Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 28/6/2010 cho chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng đến thành niên có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Anh T, chị T có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định của pháp luật..

- Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ để sung vào công quỹ Nhà Nước, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002986 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND huyện
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- CQ nơi ĐKKH
- Lưu HSVA.